

*Biên Hòa, ngày 04 tháng 11 năm 2020*

Số: 1364/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2156/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23/10/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Trần Thị T, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: phường L, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp Chứng nhận kết hôn ngày 24/6/1997 nên căn cứ Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông L và bà T xác định quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình và quan điểm sống. Cả hai đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, Ông L, bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông L và bà T xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị TL, sinh ngày 05/8/1998 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/3/2006, Ông L và bà T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đức D cho Ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006934 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 10 năm 2020 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Sự thỏa thuận của Ông L, bà T đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con, phù hợp với nguyện vọng của con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của Ông L, bà Tiếp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Trần Thị T, sinh năm 1974.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 24/3/2006 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị TL đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản bà T thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006934 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Tám**